

## CHÍNH TRỊ - LUẬT

# NƯỚC MỸ TRƯỚC TÌNH HÌNH EO BIỂN ĐÀI LOAN

Đỗ Trọng Quang

Năm 1949, Giải phóng quân Trung Quốc ào ạt tiến xuống Hoa Nam đánh bại các sư đoàn cuối cùng của Quốc dân đảng, hoàn thành việc giải phóng Đại lục. Chính quyền Tưởng Giới Thạch rút chạy ra Đài Loan cố thủ, trong khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa tuyên bố thành lập. Nhiều quốc gia cắt đứt quan hệ nhà nước với Đài Loan, công nhận chính quyền mới của Trung Quốc, nhất là sau khi Washington và Bắc Kinh xích gần nhau và Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa giành lại được ghế của mình tại Liên hợp quốc.

Trong tình thế đó, Chính quyền Đài Loan vẫn cố khẳng định chủ quyền của cái gọi là "Trung Hoa dân quốc" bằng cách duy trì bang giao với một số nước và tổ chức phi chính phủ. Nhiều người trên hòn đảo tin rằng nếu Đài Loan được các quốc gia thành viên Liên hợp quốc công nhận, thì ý tưởng về Trung Hoa dân quốc có chủ quyền vẫn tồn tại, nhưng cũng không ít người nghĩ rằng, quan hệ ngoại giao với một nhóm quốc gia chẳng đủ để bảo đảm vị trí của Đài Loan trên thế giới. Chiến lược của các chính đảng trên hòn đảo là, thường xuyên kêu gọi cộng đồng quốc tế ủng hộ, cố gắng có mặt ở các sự kiện quốc tế, và tăng cường trao đổi kinh tế với các chính phủ nước ngoài. Nhưng nỗ lực của Đài

Loan nhằm tăng cường vai trò của mình luôn luôn bị Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ngăn cản.

Bắc Kinh có thể làm như vậy vì hầu hết các nước đều lạnh nhạt với hòn đảo này. Các nhà lãnh đạo Đài Loan hiểu rằng ngay cả sự ủng hộ của người Mỹ cũng chẳng phải vô điều kiện, vì họ chỉ ủng hộ khi Đài Loan không được làm điều gì có thể khiến họ phải dính líu vào cuộc xung đột vũ trang với Đại lục.

Trong những chuyến công du đến Trung Quốc, các nhà lãnh đạo Hoa Kỳ trước sau vẫn coi Chính phủ Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa là đại diện duy nhất hợp pháp của nước này, mặc dầu Mỹ tiếp tục duy trì quan hệ không chính thức với Đài Loan, và có thái độ cân bằng với cả Đài Loan và Đại lục. Trong cuộc tranh cử tổng thống năm 2004 ở Mỹ, cả ứng cử viên của đảng Cộng hòa là George W. Bush và người của đảng Dân chủ là John Kerry đều nhất trí chống lại mưu toan của bất cứ bên nào tại hai bờ eo biển định thay đổi nguyên trạng.

Trước chuyến thăm Trung Quốc của Ngoại trưởng Mỹ là Colin Powell khi cuộc bầu cử tổng thống Hoa Kỳ sắp diễn ra, một số người ở Đài Bắc tin rằng đảng Cộng hòa Mỹ ủng hộ Đài Loan hơn đảng Dân chủ, vì thế nếu ông Bush lại trúng cử, Hoa Kỳ sẽ chú ý đến lợi ích của Đài Loan hơn. Dân chúng

nhớ rằng ông Jimmy Carter của đảng Dân chủ đã thiết lập quan hệ ngoại giao với Trung Quốc, nhưng họ quên rằng chính Tổng thống Richard Nixon thuộc đảng Cộng hòa mới là người đến Bắc Kinh năm 1972 để phá vỡ sự bế tắc trong bang giao.

Cũng vì người ta nghĩ ông Bush sẽ ủng hộ Đài Loan hơn ông Kerry, nên khán giả truyền hình ở Đài Bắc sửng sốt khi nghe Ngoại trưởng Colin Powell tuyên bố tại Bắc Kinh: “Đài Loan không độc lập. Đấy chẳng phải là một quốc gia có chủ quyền”. Câu tuyên bố đó cho thấy mức độ ủng hộ Đài Loan đã giảm sút, nhất là khi so sánh với lời Tổng thống Bush nói trước đó rằng, ông sẽ làm mọi cách để bảo vệ hòn đảo. Người ta càng sửng sốt khi Tổng thống Bush tuyên bố hồi tháng 2/2002 trong chuyến công du sang Trung Quốc, để kỷ niệm 30 năm ngày ký Thông cáo Thượng Hải: “Tôi nhắc lại sự ủng hộ chính sách một nước Trung Hoa. Đấy là chính sách của chính phủ chúng tôi trong một thời gian dài, và tôi không thay đổi chính sách đó”. Nhiều người cũng nhớ lời văn trong Thông cáo Thượng Hải ký giữa Mỹ và Trung Quốc năm 1972: “Mọi người Trung Quốc ở hai bờ eo biển Đài Loan đều cho rằng chỉ có một nước Trung Hoa, và Đài Loan là một bộ phận của Trung Quốc”. Những lời tuyên bố đó phù hợp với lập trường của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.

Ngày 8/11/2002, Chủ tịch Giang Trạch Dân khẳng định lại trong báo cáo trước đại hội 16 của đảng: “Chỉ có một nước Trung Hoa trên thế giới, cả Đại lục và Đài Loan đều thuộc một nước Trung Hoa, chủ quyền và sự toàn vẹn lãnh thổ không cho phép sự chia cắt nào”. Lời khẳng định đó phản ánh quyết tâm thống nhất đất nước của người Trung Quốc.

Mặt khác, Đài Bắc không kiểm soát được một số nhân tố quan trọng tác động tới quan hệ với Washington. Thí dụ, trận chiến chống khủng bố và cuộc tấn công Iraq đã thu hút sự chú ý của Mỹ nhiều hơn. Ngoài sự đồng tình của Bắc Kinh với mục tiêu chống khủng bố, sức mạnh kinh tế của Trung Quốc trong đầu tư và thương mại toàn cầu đang làm giảm ảnh hưởng của Đài Bắc. Sự chuyển hướng của các doanh nghiệp Đài Loan từ Hoa Kỳ và Nhật Bản sang Đại lục cũng có khả năng góp phần hình thành cơ cấu của quan hệ qua eo biển trong những năm tới.

Tuy nhiên, Bắc Kinh vẫn nghi ngại vai trò của Hoa Kỳ với tư cách kẻ trung gian vô tư trong quan hệ giữa hai bờ eo biển, khi Washington dự định bán vũ khí tối tân cho Đài Bắc. Giữa tháng 6/2004, Chính quyền của hòn đảo đã thông qua ngân sách quân sự 18,21 tỉ đôla Mỹ để mua vũ khí Mỹ.

Năm 1995, Chính phủ Mỹ cấp thị thực nhập cảnh cho Tổng thống Lý Đăng Huy của Đài Loan. Trong thời gian ở Hoa Kỳ, ông Lý Đăng Huy đến nói chuyện tại trường Đại học Cornell, bày tỏ nguyện vọng muốn Đài Loan nhanh chóng trở thành một quốc gia độc lập tách khỏi Trung Quốc. Trước chuyến thăm đó, nhà cầm quyền Hoa Kỳ đã khẳng định Đài Loan là một tỉnh của Trung Quốc, và từ lâu không cho phép các nhà lãnh đạo Đài Loan đến nước mình. Bằng cách đột ngột cấp thị thực cho ông Lý Đăng Huy, Chính quyền Washington khiến Bắc Kinh nghĩ rằng Mỹ khuyến khích hòn đảo tuyên bố độc lập.

Phản ứng lại cách ứng xử của Hoa Kỳ, Chính phủ Trung Quốc cho triển khai tên lửa tầm ngắn ở vùng eo biển Đài Loan, đẩy nhanh việc mua tàu ngầm và máy bay tối tân của Nga. Tháng 3/1996, Trung Quốc thử tên

lửa gần Đài Loan, ngăn cản tàu bè đến hòn đảo. Phía Mỹ đáp lại bằng cách dàn quân ở vùng lân cận hòn đảo, thúc giục Đài Bắc trang bị những vũ khí tốt kém như tàu ngầm và hệ thống phòng thủ tên lửa Patriot, xúc tiến việc thiết lập quan hệ quốc phòng chặt chẽ hơn. Động thái của Mỹ càng khiến nhà cầm quyền Bắc Kinh coi là bằng chứng khuyến khích Đài Loan độc lập, nên thêm nghi ngờ ý đồ của Mỹ. Tình hình căng thẳng hơn sau năm 1996, lúc ông Trần Thủy Biển, Tổng thống Đài Loan từ năm 2000, thực hiện nhiều biện pháp để đòi độc lập. Hành động của Trần Thủy Biển có nguy cơ châm ngòi một cuộc xung đột quân sự.

Cộng đồng quốc tế nhận thức được rằng, cuộc xung đột đó là một trong những mối đe dọa lớn nhất đối với an ninh thế giới, một cuộc xung đột có khả năng dẫn đến chiến tranh giữa Trung Quốc với Hoa Kỳ. Thật ra, cả Bắc Kinh lẫn Đài Bắc đều không muốn chiến tranh, nhưng hai bên cùng thi hành những chính sách có nguy cơ gây ra đổ máu. Theo nhà cầm quyền Bắc Kinh, thì họ vẫn muốn tình hình eo biển ổn định, họ triển khai lực lượng là để răn đe Đài Loan tuyên bố độc lập, họ sẵn sàng hoãn việc giải quyết bất đồng một cách dứt khoát, và chỉ sử dụng sức mạnh nếu cần thiết để ngăn cản hòn đảo đòi độc lập.

Lúc quan hệ giữa hai bờ eo biển xấu đi, và khi các nhà lãnh đạo Trung Quốc muốn Chính quyền Trần Thủy Biển không sửa đổi hiến pháp và tổ chức trưng cầu dân ý về vấn đề độc lập, thì phương án sử dụng quân sự càng quan trọng. Tháng 4/2004, có tin đảng Cộng sản Trung Quốc dự định giải quyết vấn đề Đài Loan vào năm 2020. Trường hợp này khiến cuộc chạy đua vũ trang leo thang ở hai bờ eo biển, Trung Quốc mua máy bay chiến đấu tối tân SU-27

và SU-30, khu trục hạm Sovremenny và tàu ngầm Kilo của Nga, trong khi Đài Loan mua khu trục hạm Kidd, tàu ngầm chạy bằng dầu diesel, tên lửa đất đối không PAC-3, cùng nhiều vũ khí khác của Mỹ.

Tuy nhiên, một số chiều hướng quan hệ giữa hai bờ eo biển tiếp tục phát triển, sự hợp tác kinh tế giữa Đại lục với Đài Loan vẫn được thực hiện. Từ những năm 1980, các công ty Đài Loan đầu tư trên 50 tỉ đôla sang Đại lục, và năm 2003, Đại lục trở thành đối tác thương mại lớn nhất, vượt Nhật Bản và Hoa Kỳ. Nhưng chẳng vì thế mà Chính phủ Trung Quốc từ bỏ khả năng sử dụng quân sự để buộc Đài Loan ngồi vào bàn thương lượng. Các nhà lãnh đạo Bắc Kinh vẫn nhấn mạnh sự thống nhất đất nước theo đường lối “một nước Trung Hoa”.

Từ những năm 1990, vũ khí được tăng cường triển khai ở hai bờ eo biển suốt một thập kỷ, Trung Quốc đặt nhiều tên lửa hướng sang Đài Loan, tổng cộng ước tính có 600 tên lửa đạn đạo tầm ngắn và tầm trung. Nếu chiến tranh nổ ra ở eo biển, thì chắc chắn Hoa Kỳ, và có thể cả Nhật Bản và Hàn Quốc sẽ dính líu.

Tháng 3/2004, Thủ tướng Ôn Gia Bảo của Trung Quốc nhắc lại tại Đại hội Nhân dân Toàn quốc ở Bắc Kinh rằng, Đại lục sẵn sàng thương lượng với nhà cầm quyền Đài Bắc nếu họ chấp nhận nguyên tắc “một nước Trung Hoa”, đồng thời nhấn mạnh “chúng tôi kiên quyết chống lại bất cứ hình thức nào của hoạt động ly khai, và không bao giờ cho phép kẻ nào tách Đài Loan khỏi Trung Quốc bằng bất cứ cách nào”. Thủ tướng Ôn Gia Bảo còn tuyên bố “nhà cầm quyền Đài Loan đang thúc đẩy một cuộc trưng cầu dư luận nhằm để Đài Loan độc lập với cái cớ vì dân chủ... Những điều họ làm đã phá hoại nguyên tắc “một

nước Trung Hoa” được toàn thế giới công nhận, và là một mối đe dọa sự ổn định trong eo biển Đài Loan”<sup>1</sup>. Ở một tuyên bố báo chí, sau khi được tin ông Trần Thủy Biển trúng cử tổng thống nhiệm kỳ thứ hai, cơ quan phụ trách các vấn đề Đài Loan thuộc Quốc vụ viện Trung Quốc nói rằng, Bắc Kinh không loại trừ hành động quân sự nếu hòn đảo đó khẳng định độc lập trong một hiến pháp mới năm 2008.

Trong khi chuẩn bị cho Đại hội Olympic mùa Hè năm 2008, các người phát ngôn cao cấp của Chính phủ Bắc Kinh không quên nhắc lại rằng, Đài Loan chớ nên coi sự kiện thể thao đó là một cơ hội để tìm kiếm độc lập. Trong lĩnh vực quân sự, chương trình hiện đại hóa quân đội Trung Quốc tiếp tục cố gắng giảm bớt số 2,25 triệu binh sĩ của Giải phóng quân, đồng thời thành lập những đơn vị tinh nhuệ trang bị bằng vũ khí tối tân công nghệ cao, và tăng cường khả năng cơ động. Bắc Kinh trước sau vẫn tuyên bố sẽ sử dụng quân sự để thống nhất đất nước nếu Đài Loan khẳng định ly khai.

Trong hơn một thập kỷ, các nhà lãnh đạo Đài Loan từng tuyên bố hòn đảo này là một “đất nước độc lập và có chủ quyền”, nhưng chưa phải chống trả hành động quân sự nào của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, nên bây giờ ông Trần Thủy Biển nghĩ rằng sự đe dọa của Bắc Kinh chỉ là câu nói suông. Trước đây, người tiền nhiệm của Trần Thủy Biển là ông Lý Đăng Huy cũng nói rằng Bắc Kinh là “con hổ giấy”.

Cả hai bên đều có những giả định sai, khiến vấn đề trở nên phức tạp. Bắc Kinh nghĩ rằng Nhà Trắng tiếp tục bán vũ khí cho Đài Loan nhằm khuyến khích hòn đảo này tuyên bố độc lập, và tin là Cộng hòa nhân dân Trung Hoa có khả năng hạ gục Đài Loan trước khi lực

lượng quân sự Hoa Kỳ nhảy vào. Trong khi đó, Đài Bắc cho rằng Bắc Kinh còn bận tập trung vào tăng trưởng kinh tế, củng cố sự ổn định chính trị trong nước, chuẩn bị cho Thế vận hội năm 2008 nên hết sức tránh chiến tranh. Thậm chí Chính quyền Đài Loan tin rằng nếu Đại lục sử dụng quân sự, Hoa Kỳ sẽ lập tức can thiệp để bảo vệ hòn đảo. Hầu hết các giả định này đều sai lầm, để mang lại một hậu quả không ai muốn là chiến tranh.

Nhiều người tiên đoán cuộc thử thách thật sự sẽ diễn ra trong thời gian 2006-2008, lúc ông Trần Thủy Biển sắp hết nhiệm kỳ tổng thống thứ hai. Khi đó, có thể ông đẩy mạnh hoạt động ly khai, để được ghi vào lịch sử là người sáng lập “nước Đài Loan độc lập”. Trần Thủy Biển đã thông báo kế hoạch xem xét lại hiến pháp hay thậm chí ban hành một hiến pháp mới, cũng như tổ chức một cuộc trưng cầu dư luận về vấn đề độc lập. Động thái này bị các nhà lãnh đạo Trung Quốc coi là hành động khiêu khích, và có thể dẫn đến cuộc đối đầu qua eo biển.

### **Thái độ của Hoa Kỳ trước chính sách của hai bờ eo biển Đài Loan**

Từ nhiều năm nay, Hoa Kỳ kiên trì một chính sách ở eo biển Đài Loan là răn đe cả hai bên, đồng thời làm cả hai bên yên lòng. Washington nói xa xôi để Bắc Kinh hiểu rằng Hoa Kỳ sẽ không khoanh tay đứng nhìn nếu Đài Loan bị tấn công, đồng thời cho chính quyền Đài Bắc biết họ đừng mong lực lượng Hoa Kỳ bảo vệ khi chiến tranh nổ ra. Người Mỹ cam đoan với Bắc Kinh rằng họ không đơn phương thay đổi chính sách “một nước Trung Hoa”, nhưng cũng bảo đảm với Đài Loan là họ không bán rẻ lợi ích của hòn đảo. Họ nhất quán đề nghị hai bên giải quyết bất đồng bằng thương lượng.

Tóm lại, Hoa Kỳ chủ trương chính sách “một nước Trung Hoa”, nhấn mạnh giải pháp hòa bình cho vấn đề eo biển, và khuyến khích hai bên đối thoại để giải quyết bất đồng. Người Mỹ muốn cam kết bảo vệ Đài Loan nhưng không tán thành Chính quyền Đài Bắc tuyên bố độc lập. Họ cũng không chấp nhận yêu cầu của Bắc Kinh đòi kiểm chế hơn nữa hành động của Đài Loan. Người Mỹ không muốn tình hình eo biển xấu đi, nhưng thái độ của họ chẳng làm cho hoàn cảnh ổn định hơn, mặc dầu nhiều quan chức ở Washington tin rằng chính sách của họ đã có tác dụng trong nhiều năm và bây giờ vẫn có hiệu quả.

Khi người Mỹ ủng hộ chính sách “một nước Trung Hoa” và muốn duy trì nguyên trạng hiện thời, họ vẫn chúc mừng ông Trần Thủy Biển trúng cử tổng thống Đài Loan nhiệm kỳ thứ hai và cam kết tiếp tục giúp đỡ hòn đảo phát triển dân chủ. Theo đạo luật về quan hệ với Đài Loan năm 1979, Hoa Kỳ hứa tham gia bảo vệ hòn đảo, kể cả bán vũ khí phòng thủ tối tân. Tổng thống George W. Bush tuyên bố Hoa Kỳ không ủng hộ một hành động đơn phương nào trong quan hệ ở eo biển có thể xáo trộn nguyên trạng hiện nay và sự ổn định khu vực, ông không tán thành mưu toan của Trung Quốc nhằm chiếm hòn đảo cũng như không ủng hộ Đài Loan tuyên bố độc lập.

Trong bang giao với Trung Quốc, Tổng thống Bush cố gắng duy trì quan hệ ổn định, và tranh thủ sự ủng hộ của Bắc Kinh trong “cuộc chiến quốc tế chống chủ nghĩa khủng bố”. Trung Quốc là một đối tác buôn bán lớn của Hoa Kỳ, các công ty Mỹ đã đầu tư trên 44 tỉ đôla vào các doanh nghiệp thương mại ở nước này. Nhưng đồng thời, Bộ Ngoại giao Mỹ “chào mừng thông điệp có tính xây dựng” trong diễn văn nhậm chức ông

Trần Thủy Biển và “đánh giá cao lời ông hứa rằng cuộc cải cách hiến pháp sẽ không đề cập tới những vấn đề chủ quyền, lãnh thổ, hay quốc hiệu”. Đáng chú ý là, Mỹ cho hàng không mẫu hạm USS Kitty Hawk đến Philippines, bố trí lực lượng chiến đấu ở vùng phụ cận Đài Loan vào thời gian bầu cử tổng thống. Sự triển khai hải quân đó được phương tiện thông tin đại chúng giải thích là một biện pháp phòng ngừa Trung Quốc tấn công, nhưng Hoa Kỳ cũng không tán thành động thái nào của ông Trần Thủy Biển khiến Đại lục nổi giận.

Tuy vậy, không ai ở Bắc Kinh tin Trần Thủy Biển nữa, dù ông ta muốn đối thoại nghiêm chỉnh. Chính phủ Trung Quốc ủng hộ nhiều sáng kiến đa phương ở châu Á và các hiệp định thương mại trong khu vực nhưng kiên quyết gạt bỏ Đài Loan, khiến hòn đảo này ngày càng bất lợi về kinh tế và chính trị. Trần Thủy Biển không được Chính quyền của Tổng thống Bush ủng hộ nhiều như trước, vì Hoa Kỳ không muốn tình hình khu vực căng thẳng thêm. Khó khăn cho Trần Thủy Biển là lực lượng quân sự Trung Quốc ngày càng mạnh, trong khi ngân sách quốc phòng của Đài Loan thâm hụt nghiêm trọng, thiếu phương tiện phòng thủ thích hợp để đẩy lui một cuộc tấn công từ Đại lục. Chính quyền Đài Bắc mua vũ khí chỉ nhằm ý nghĩa tượng trưng chính trị chứ chẳng ích lợi gì về quân sự.

Ông Trần Thủy Biển vấp trở ngại ngay trên lãnh thổ mình. Ngày 11/12/2004, Đài Loan tổ chức bầu cử quốc hội, các chính đảng phản đối độc lập vẫn giành được thắng lợi. Cuối tháng đó ở Đại lục, Chính phủ Trung Quốc đề xuất một đạo luật mới, cho phép sử dụng vũ lực nếu bộ phận nào của đất nước có xu hướng ly khai, kể cả Đài Loan. Trong khi đó, thắng lợi

của phe đối lập ở hòn đảo này khiến Trần Thủy Biển không còn hy vọng sửa đổi hiến pháp trong nhiệm kỳ tổng thống thứ hai, nhằm tách Đài Loan khỏi Trung Quốc. Bắc Kinh công nhận là kết quả bầu cử ở Đài Loan đã khiến ý đồ sửa đổi hiến pháp của ông Trần Thủy Biển không thực hiện được, tránh nguy cơ xảy ra khủng hoảng. Đồng thời, luật chống ly khai ở Trung Quốc khiến Tổng thống Đài Loan hiểu quyết tâm thống nhất đất nước của Đại lục. Chủ tịch Hồ Cẩm Đào sẽ chủ động hơn trong vấn đề giải phóng hòn đảo, một khi ông quyết định dùng vũ lực nếu tình hình xấu đi.

Tuy nhiên, hai sự kiện tháng 12/2004, tức thắng lợi của các chính đảng chống độc lập ở Đài Loan và đạo luật chống ly khai của Đại lục, không loại bỏ được khả năng nhiều người trên hòn đảo tính sai, và tình hình quan hệ ở eo biển vẫn căng thẳng. Đảng Dân Tiến của ông Trần Thủy Biển trở nên cuồng nhiệt hơn trong chủ trương độc lập, và chính sách của Đại lục cũng cứng rắn hơn. Theo thông lệ quốc tế, một nước chỉ được coi là độc lập nếu được các quốc gia khác, nhất là các nước lớn, công nhận và thiết lập quan hệ ngoại giao. Hiện nay chỉ có 29 nước trên thế giới công nhận Chính quyền Đài Loan, còn các quốc gia khác coi Bắc Kinh là Chính phủ hợp pháp của Trung Quốc.

Theo gương Hoa Kỳ, nhiều nước trước đây có bang giao mật thiết với Đài Loan, bây giờ chỉ xây dựng quan hệ nhà nước chính thức với Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Thí dụ, Nhật Bản vốn có mối liên hệ chặt chẽ về kinh tế và văn hóa với Đài Loan, từng giúp hòn đảo này tham gia những tổ chức quốc tế như APEC và WTO, nhưng kiên quyết không thiết lập bang giao chính thức với Đài Loan và

không ủng hộ nguyện vọng của Đài Loan muốn gia nhập Liên hợp quốc. Nước Cộng hòa Nam Phi trước kia chủ trương cân bằng quan hệ với cả Đài Loan và Đại lục, nhưng nay đã cắt đứt quan hệ nhà nước chính thức với hòn đảo đó, chỉ bắt tay với Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.

Chủ trương chỉ công nhận một nước Trung Hoa luôn luôn được Hoa Kỳ thực hiện. Chính quyền Đài Bắc không thể làm gì để thay đổi thực tế này, còn nhà cầm quyền Bắc Kinh thì nghĩ rằng vấn đề Đài Loan được giải quyết sẽ tác động đến tình hình các khu vực khác như Tân Cương, Nội Mông và Tây Tạng.

Diễn biến chính trị ở Đài Loan năm 2005 cho thấy phong trào độc lập đã suy yếu. Quan hệ đã chuyển biến giữa Đài Bắc với Bắc Kinh góp phần làm tình hình Đông Á ổn định, giảm khả năng xung đột giữa Đại lục với hòn đảo, và có thể với Hoa Kỳ, tạo cơ hội cho cả Bắc Kinh, Đài Loan, và Washington điều chỉnh chính sách quân sự.

Đài Loan và Đại lục vốn có chung một nền văn hóa, một di sản lịch sử, nhưng sau nửa thế kỷ tự trị bắt đầu từ khi Quốc dân đảng thất bại phải rút ra cố thủ ở hòn đảo này, một số người ở đây nghĩ rằng mảnh đất đó đã “có một bản sắc Đài Loan” riêng, họ tin rằng Đài Loan xứng đáng được quốc tế công nhận là một nước có chủ quyền. Phong trào “bản sắc Đài Loan” trở thành một sức mạnh đáng kể giữa những năm 1990, nhưng chưa hề kêu gọi tuyên bố chính thức độc lập.

Cử tri Đài Loan có xu hướng ủng hộ Đại lục phản đối hòn đảo độc lập. Ông Trần Thủy Biển cùng đảng Dân Tiến, động lực của phong trào độc lập những năm gần đây, nhiều lần thất bại trong bầu cử. Những người tán thành hợp tác với Đại lục thắng thế,

hé mở một thời kỳ bình yên mới trong quan hệ ở eo biển. Nước Mỹ cũng mong khu vực tiếp tục ổn định, không muốn tình hình ở đây căng thẳng.

Năm 1990, Bắc Kinh đẩy nhanh triển khai tên lửa và không quân, phát triển khả năng đánh gục Đài Loan trước khi Hoa Kỳ kịp can thiệp. Trong lúc đó, kinh tế Trung Quốc tăng trưởng nhanh chóng tác động đến nền kinh tế Đài Loan. Từ năm 2002, hơn một nửa vốn đầu tư của hòn đảo được đưa sang Đại lục. Ngay năm 2001, Đại lục đã trở thành thị trường xuất khẩu quan trọng nhất của Đài Loan, và năm 2005, Đại lục mua khoảng 40% hàng hóa xuất khẩu của Đài Loan. Vì thế, Trung Quốc đủ sức gây tình hình bất ổn ở Đài Loan mà chẳng cần phát động chiến tranh.

Trong bối cảnh đó, ông Trần Thủy Biển cùng những người chủ trương độc lập không được nhiều cử tri ủng hộ. Ông trúng cử tổng thống năm 2001 với 39% số phiếu chỉ vì phe đối lập chia rẽ nghiêm trọng. Năm 2004, Trần Thủy Biển được bầu nhiệm kỳ thứ hai với đa số phiếu mỏng manh là 0,1%, sau khi ông và người liên danh vào ghế Phó Tổng thống bị ám sát hụt. Trong một thập kỷ, các cuộc thăm dò dư luận quân chúng đều cho thấy 90% cử tri phản đối tuyên bố độc lập ngay. Cử tri trước sau vẫn hậu thuẫn những tổ chức mà họ gọi là đảng của người Đại lục, bao gồm Quốc dân đảng.

Tuy chỉ giành được sự ủng hộ mỏng manh trong bầu cử, và mặc dầu Đại lục ngày càng có khả năng gây mất ổn định ở Đài Loan, ông Trần Thủy Biển vẫn liều lĩnh tạo ra viễn cảnh xung đột quân sự bằng cách khẳng khái đòi độc lập. Trong thời gian chuẩn bị bầu cử tháng 12/2004, phe cánh ông nhiều lần tìm cách thông qua một hiến pháp mới phản ánh cái họ gọi là “thực tiễn

hiện nay”, có thể họ muốn đổi tên gọi “Trung Hoa dân quốc” thành “Cộng hòa Đài Loan”.

Đại lục từ lâu coi sự thay đổi hiến pháp như vậy là hành động chiến tranh, nhưng phe cánh ông Trần Thủy Biển nghĩ rằng lời đe dọa của Đại lục vẫn chỉ là câu nói rỗng tuếch. Họ chủ quan tin vào cái ô che chở của Mỹ trong trường hợp chiến tranh nổ ra. Hơn nữa, theo lập luận của họ, thì những vấn đề nội bộ cấp thiết hiện nay của Trung Quốc khiến Đại lục không thực hiện được lời đe dọa. Thêm vào đó, sự cam kết của Mỹ bảo vệ Đài Loan càng khiến họ tin Trung Quốc là “con hổ giấy”.

Tình thế căng thẳng thêm khi Trung Quốc phản ứng lại lời lẽ khiêu khích của Trần Thủy Biển bằng cách leo thang đe dọa sử dụng quân sự, khiến Hoa Kỳ phải can thiệp để kiềm chế Đài Bắc. Tổng thống George W. Bush công khai chỉ trích Trần Thủy Biển, khẳng định trong một cuộc họp báo chung tháng 11/2004 với Chủ tịch Hồ Cẩm Đào là ông phản đối Đài Loan độc lập. Kế hoạch sửa đổi hiến pháp của Trần Thủy Biển đổ vỡ khi đảng Dân Tiến thất bại trong cuộc bầu cử quốc hội tháng 12/2004. Thất bại đó tạo cơ hội thuận lợi cho các chính trị gia đối lập, mặc dầu Quốc dân đảng, chính đảng lớn nhất của phe đó, e ngại rằng xích gần thêm với Bắc Kinh có thể khiến họ bất lợi.

Tháng 3/2005, cơ quan lập pháp của Đại lục là Đại hội Nhân dân Toàn quốc thông qua Luật chống Ly khai, cụ thể hóa lời đe dọa tiến hành chiến tranh nếu Đài Loan tuyên bố độc lập. Trong tình hình này, Chủ tịch Quốc dân đảng là Liên Chiến, cựu Phó Tổng thống của ông Lý Đăng Huy, sang thăm Bắc Kinh tháng Tư năm đó. Đây là chuyến thăm đầu tiên tới Đại lục

của một nhà lãnh đạo một chính đảng lớn của Đài Loan kể từ năm 1949. Nhân dịp đó, Liên Chiến và Hồ Cẩm Đào ra tuyên bố chung phản đối Đài Loan độc lập, và khẳng định chỉ có “một nước Trung Hoa”, mặc dầu theo cách giải thích của ông Liên Chiến thì “một nước Trung Hoa” không nhất thiết là “Cộng hòa nhân dân Trung Hoa” mà có thể là “Trung Hoa dân quốc” theo mô hình Đài Loan.

Cũng trong dịp này, ông Liên Chiến đến nói chuyện ở trường Đại học Bắc Kinh, nhắc lại quá khứ vĩ đại của đất nước và mong mỗi một tương lai hợp tác giữa Đài Loan và Đại lục. Sau chuyến ông đi Bắc Kinh, cuộc điều tra dư luận quần chúng cho thấy 56% số người được phỏng vấn tán thành cuộc thăm này, 46% tin rằng Quốc dân đảng là chính đảng có nhiều khả năng nhất để giải quyết quan hệ giữa hai bờ eo biển, chỉ 9,4% tin khả năng của đảng Dân Tiến. Tiếp theo Liên Chiến, nhiều chính trị gia khác tới Đại lục và được Bắc Kinh cam kết mở rộng quan hệ thương mại và văn hóa. Bắc Kinh ưu tiên cho nông sản Đài Loan bán sang thị trường Đại lục, hai bên nhất trí mở văn phòng liên lạc để giải quyết những vụ tranh chấp về kinh doanh ở Đại lục liên quan đến các công ty Đài Loan. Tình hình quan hệ được cải thiện ở hai bờ eo biển được Hoa Kỳ ủng hộ.

Chiến lược mới của Quốc dân đảng đạt kết quả tốt đẹp, đảng Dân Tiến bị đánh bại trong các cuộc bầu cử địa phương tháng 12/2005. Trong 23 chức vụ, đảng của ông Trần Thủy Biển chỉ giành được 6 ghế, số còn lại thuộc về liên minh đối lập do Quốc dân đảng cầm đầu. Một lần nữa, cử tri ủng hộ sự ổn định ở eo biển, tán thành các chính sách ngoại giao và kinh tế thực dụng, và từ đây, lực lượng hậu thuẫn ông

Trần Thủy Biển và đảng Dân Tiến giảm sút rất nhanh. Tại cuộc bầu cử tháng 12/2005, chỉ 10% cử tri ủng hộ Trần Thủy Biển, tỉ lệ ủng hộ đảng Dân Tiến là 18%. Nội bộ đảng Dân Tiến ngày càng chia rẽ, khi chính trị gia trẻ tranh quyền lãnh đạo với đảng viên nhiều tuổi muốn Đài Loan độc lập.

Trong khi đó, tín nhiệm của Quốc dân đảng trong dân chúng tiếp tục tăng. Sau cuộc thăm dò dư luận tháng 12/2005, Thị trưởng Đài Bắc, người có khả năng được Quốc dân đảng đưa ra ứng cử tổng thống năm 2008, được 80% dân chúng ủng hộ. Ông cũng tán thành lập trường “một nước Trung Hoa” của Hoa Kỳ, công khai phản đối Đài Loan độc lập, ủng hộ tự do hóa thương mại với Bắc Kinh, muốn tàu thuyền và máy bay đến thẳng Đại lục chứ không phải vận chuyển hàng hóa và hành khách qua Hồng Kông.

Tuy vậy, ông Trần Thủy Biển không thích nghi với thực tế chính trị mới, vẫn công kích hoạt động của Quốc dân đảng nhằm cải thiện tình hình eo biển, ngăn cản các nhà thương thuyết của Đại lục đến Đài Bắc, bác bỏ các thỏa thuận không chính thức mà các chính trị gia đối lập thương lượng với Bắc Kinh. Ông kêu gọi hạn chế quan hệ kinh tế giữa hai bờ eo biển mặc dầu cuộc điều tra dư luận cho thấy 75% dân chúng ủng hộ tự do hóa thương mại, nhiều nhà kinh doanh lớn rời bỏ đảng Dân Tiến chạy sang hàng ngũ Quốc dân đảng. Trong bài nói chuyện nhân dịp năm mới 2006, Trần Thủy Biển nhắc lại là ông ủng hộ Đài Loan độc lập, muốn thông qua một hiến pháp mới, không đếm xỉa đến lập trường “một nước Trung Hoa” của nước bảo trợ mình là Hoa Kỳ.

Tháng 1/2006, Đại lục đề nghị gửi tặng Đài Loan hai con gấu trúc, nhưng Chính quyền của ông Trần



Thủy Biển khước từ thiện ý của Bắc Kinh mặc dầu quân chúng yêu cầu nhận tặng phẩm đó. Ông nói rằng “thủ đoạn ngoại giao gấu trúc” của Bắc Kinh chỉ nhằm để Đài Bắc mất cảnh giác trước sự đe dọa từ phía Đại lục. Tuy nhiên, cả Hoa Kỳ lẫn cử tri Đài Loan trước sau vẫn phản đối tuyên bố độc lập, sự phản đối ngày càng tăng khi lực lượng quân sự Trung Quốc tiếp tục lớn mạnh và Bắc Kinh càng có khả năng bóp nghẹt nền kinh tế Đài Loan. Hơn nữa, ở Đại lục hiện nay có trên một triệu người Đài Loan làm ăn hoặc học tập, số người này góp phần phản đối Đài Loan độc lập. Hoa Kỳ chẳng thể làm gì để bảo vệ hòn đảo này trọn vẹn, chẳng thể cung cấp cho Đài Loan phương tiện chống lại tên lửa Trung Quốc.

### Kết luận

Hiện nay, số người chủ trương đòi Đài Loan độc lập ngày càng ít đi. Phong trào độc lập ở hòn đảo suy yếu đã góp phần loại bỏ nguy cơ chiến tranh trên eo biển, và tránh một cuộc xung đột giữa Trung Quốc và Mỹ. Hai nước này tiếp tục tranh giành ảnh hưởng tại Đông Á, nhưng khi nguy cơ chiến tranh về Đài Loan giảm bớt thì tư thế đối đầu nhau của họ về quân sự sẽ thay đổi. Nếu Bắc Kinh tin rằng Đài Bắc chú trọng đến hợp tác hơn là đòi độc lập, thì lực lượng quân sự của Đại lục ở vùng eo biển có khả năng được rút bớt. Tên lửa được chuyển khỏi đây sẽ khuyến khích nhân dân Đài Loan tăng cường ủng hộ chính sách xích gần Đại lục của Quốc dân đảng, và thúc đẩy quan hệ tốt đẹp giữa Trung Quốc với các nước khác trong khu vực. Đông Á luôn luôn mong tình hình ổn định, không muốn

xung đột ở eo biển Đài Loan ảnh hưởng đến họ, vì một cuộc chiến tranh xảy ra ở đây có thể kéo người Mỹ cùng đồng minh của họ dính líu. Hoa Kỳ bớt khuyến khích Đài Loan mua những vũ khí vừa tốn kém vừa không thích hợp với nhu cầu phòng thủ.

Các nước trong khu vực không muốn Trung Quốc sử dụng vũ lực đối với Đài Loan, nhưng họ cũng ít có thiện cảm với phong trào độc lập ở đây. Một khi thoát khỏi nguy cơ chiến tranh trước mắt, Đài Loan có khả năng tập trung vào phát triển kinh tế. Mỹ tiếp tục bảo đảm an ninh cho Đài Loan, quan hệ phòng thủ giữa Hoa Kỳ và Đài Loan vẫn mật thiết, và sự cam kết bảo vệ hòn đảo này hiện giờ mạnh hơn bất cứ lúc nào từ thời Tổng thống Nixon, nhưng một cuộc tấn công của Đại lục vào Đài Loan sẽ gây thiệt hại cho lợi ích của Mỹ ở đây.

Washington từ lâu đã coi các bước đi của Đài Loan nhằm tiến tới độc lập là mối đe dọa an ninh nước Mỹ vì biện pháp mà Đài Loan thi hành có thể dẫn đến chiến tranh. Tháng 9/2005, khi Thứ trưởng Ngoại giao Hoa Kỳ là Robert Zoellick điếm lại quan hệ Trung-Mỹ, ông tỏ ý hài lòng về chiều hướng hiện thời trong quan hệ giữa Đài Loan và Đại lục. Bây giờ phong trào độc lập ở Đài Loan đã suy yếu, nguy cơ xung đột giữa Mỹ và Cộng hòa nhân dân Trung Hoa đang lùi xa, lợi ích của Hoa Kỳ trong khu vực sẽ được bảo vệ dễ dàng hơn ■

### Tài liệu tham khảo:

1. *Foreign Affairs*, March/April 2005.
2. *Foreign Affairs*, March/April 2006
3. *Asian Affairs*, Winter 2004.

### Chú thích:

- (1) Nhân dân Nhật báo (Bắc Kinh), 17/5/2004.